

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-PT

Ngày: 15/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Đình Thi

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 276/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường V, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Trúc M (Ph), sinh năm 1967, theo giấy uỷ quyền ngày 17/5/2017 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Trần Mỹ Th, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường V, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Trúc M, sinh năm 1967, theo giấy uỷ quyền ngày 04/5/2017 (Có mặt).

Địa chỉ: Đường N, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. NLQ2, sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. NLQ3, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Mỹ Th - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y và bà Lê Thị Trúc M đại diện theo uỷ quyền của Yết trình bày:* Bà Y là chị em bạn dâu với NLQ3 nên NLQ3 có giới thiệu cho bà Th vay tiền của bà Y nhưng NLQ3 chỉ giới thiệu bà Th với bà Y chứ bà Th không có đi gặp trực tiếp bà Y. Bà Y đưa tiền cho NLQ3 và NLQ3 đưa tiền cho bà Th vay, các lần cho bà Th vay tiền bà Y đều có làm biên nhận và đưa cho NLQ3 đem cho bà Th ký vào, bà Th ký xong thì đem biên nhận về cho bà Y, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 16/8/2015 âm lịch bà Th vay của bà Y 20.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 16/11/2015 âm lịch;

- Ngày 08/9/2015 âm lịch bà Th vay của bà Y 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 08/12/2015 âm lịch;

- Ngày 07/10/2015 âm lịch bà Th vay của bà Y 60.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 07/01/2016 âm lịch;

- Ngày 19/10/2015 âm lịch bà Th vay của bà Y 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 19/01/2016 âm lịch;

- Ngày 01/11/2015 âm lịch bà Th vay của bà Y 20.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 01/02/2016 âm lịch;

- Ngày 06/11/2015 âm lịch bà Th vay của bà Y 10.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 06/02/2016 âm lịch.

Tổng cộng bà Th vay của bà Y số tiền là 210.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận bằng miệng mỗi tháng 5%, mục đích bà Th vay tiền là để đánh bắt hải sản và tổ chức lễ cưới cho con. Nhưng từ khi vay tiền đến nay bà Th không trả tiền gốc chỉ trả tiền lãi cho bà Y được 01 lần là 1.500.000 đồng. Việc bà Th trình bày có trả tiền gốc cho bà Y được 2.000.000 đồng và trả lãi cho bà Y đến tháng 10/2015 là không đúng. Toàn bộ số tiền 210.000.000 đồng là tiền vay gốc chứ không có tiền lãi.

Việc bà Th trình bày NLQ3 cầm dao đâm dọa để bà Th ký vào các biên nhận là không đúng, mỗi lần bà Y cho bà Th vay tiền là đều làm biên nhận riêng, các biên nhận đó chỉ có 01 mình bà Th ký vào, sau đó bà Y kêu NLQ3 làm 06 biên

nhận mới để tên chồng bà Th vào và cho bà Th ký lại nên 06 biên nhận bà Y cung cấp cho Tòa án là do NLQ3 đưa cho bà Th ký lại cùng 01 lúc và ký tại nhà của NLQ3. Khi ký biên nhận mới bà Th có đối chiếu lại biên nhận cũ và đã xé bỏ biên nhận cũ, tuy nhiên vẫn còn hai biên nhận xé chưa rách hết nên NLQ3 cung cấp cho Tòa án xem xét.

Bà Th trình bày đã trả cho chồng của NLQ3 2.000.000 đồng tiền gốc là không có vì chồng của NLQ3 không biết việc làm ăn vay tiền của NLQ3 với bà Th, chồng NLQ3 làm nghề xe tải nên đi suốt không có ở nhà.

Đối với 02 biên nhận nhận ngày 10/4/2015 bà Th vay số tiền 50.000.000 đồng và biên nhận ngày 07/5/2015 bà Th vay số tiền 60.000.000 đồng, là biên nhận cũ nên NLQ3 không yêu cầu Tòa án xem xét.

Nay bà Y và NLQ3 yêu cầu bà Trần Mỹ Thuý và ông Mai Phúc H có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 210.000.000 đồng cho bà Y và tính lãi theo quy định pháp luật của từng biên nhận vay tiền đến khi giải quyết xong vụ án.

* *Bị đơn bà Trần Mỹ Th trình bày:* Bà Th thừa nhận có vay tiền gốc của bà Lê Thị Trúc Mai (tự Phụng) 03 lần là 60.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 16/8/2014 mượn 20.000.000 đồng,
- 01 tháng sau mượn tiếp 20.000.000 đồng,
- 01 tháng sau mượn thêm 20.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận lãi suất mỗi tháng 15%, khi vay không có làm biên nhận, bà Th không biết bà Y là ai. Bà Th đóng lãi cho NLQ3 được 12 tháng nhưng không có chứng cứ để chứng minh, đến tháng 10/2015 ngưng đóng lãi và bà Th đã bỏ đi 01 thời gian, khi quay về có thỏa thuận trả tiền cho NLQ3 mỗi tháng 2.000.000 đồng tiền gốc và có trả cho NLQ3 được 01 lần tiền gốc là 2.000.000 đồng, đưa tiền tại nhà NLQ3 do chồng NLQ3 nhận, sau đó NLQ3 có điện thoại hỏi trả bao nhiêu tiền thì bà Th nói trả 2.000.000 đồng, đến tháng sau tiếp tục trả cho NLQ3 2.000.000 đồng nhưng NLQ3 không nhận.

Bà Th xác nhận khoảng 02 đến 03 tháng, sau khi bà Th về thì NLQ3 đưa cho bà Th 06 biên nhận tiền để ký, bà không đồng ý ký NLQ3 lấy dao ra hăm dọa nên bắt buộc bà Th phải ký vào 06 biên nhận cùng ngày 25/8/2016, trong số tiền 210.000.000 đồng có cả lãi và gốc, vì bà chỉ nợ tiền gốc của NLQ3 tổng cộng là 60.000.000 đồng. Khi ký vào 06 biên nhận cho NLQ3 thì bên người cho vay chưa ai ký, nhưng không có ai chứng kiến. Sau khi ký NLQ3 yêu cầu trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, bà Th nói từ từ và NLQ3 nói hẹn hoài đợi ra tòa đi.

Tại phiên tòa NLQ3 cung cấp 02 biên nhận ngày 10/4/2015 bà Th vay số tiền 50.000.000 đồng và biên nhận ngày 07/5/2015 bà Th vay số tiền 60.000.000 đồng. Bà Th xác nhận biên nhận 60.000.000 đồng là đúng còn biên nhận 50.000.000 đồng là tiền lãi, nhưng do bà không chứng minh được đây là tiền lãi nên bà Th đồng ý trả cho bà Y số tiền 110.000.000 đồng. Số tiền bà Th vay của bà Y là để chi xài riêng lo cho con ăn học thì anh H không biết, nên bà Th tự trả cho bà Y không yêu cầu anh H cùng trả.

Nay bà Th đồng ý trả cho bà Y số tiền 110.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà Th không yêu cầu anh H cùng trả.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lê Thị Trúc M là người đại diện theo ủy quyền của NLQ1 trình bày: Ông Tuy thống nhất ý kiến của bà Y nhưng việc cho vay tiền giữa bà Y và bà Th ông Tuy không biết nên ông Tuy không yêu cầu gì trong vụ án này, yêu cầu Tòa án xử đúng theo quy định pháp luật.

- NLQ2 trình bày: Ông không biết việc vay tiền giữa bà Th và bà Y, ông không phải là người trực tiếp vay tiền của bà Y và ông cũng không có ký vào các biên nhận của bà Y. Bà Th vay tiền chỉ để chơi bài và mua số đề chứ không lo gì cho gia đình, nên ông Hậu không đồng ý cùng bà Th trả nợ cho bà Y.

- NLQ3 trình bày: Bà thống nhất ý kiến trình bày của bà Y, bà là người giới thiệu cho bà Th vay tiền của bà Y, là người trực tiếp đưa tiền cho bà Th và đưa các biên nhận cho bà Th ký tên vào. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này, yêu cầu Tòa án xử buộc bà Th, ông Hậu trả số tiền trên cho bà Y cùng với lãi suất.

* Tại bản án sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn bà Trần Mỹ Th, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Phúc H.

- Buộc bà Trần Mỹ Th, ông Mai Phúc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền vay gốc 210.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật 53.246.250 đồng, tổng cộng 263.246.250 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 23/10/2017 bà Trần Mỹ Th có đơn kháng cáo cho rằng thực tế bà chỉ vay NLQ3 hai lần với số tiền 110.000.000 đồng, còn 06 biên nhận nợ với số tiền 100.000.000 đồng thì bà không công nhận, vì khi bà không có khả năng thanh toán tiền nợ vay cho NLQ3, bà có lánh mặt một thời gian, khi trở về NLQ3 đã viết sẵn 06 biên nhận và yêu cầu bà phải ký tên vào, do bà lo sợ nên đã ký tên vào 06 biên nhận. Nay bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Mỹ Th, sửa một phần của bản án sơ thẩm, đối với phần tính lãi suất tiền vay buộc bà Th phải trả.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hội đồng xét xử xét nguyên đơn bà Y đã cung cấp được các chứng cứ biên nhận vay tiền của bà Th (Bút lục 47-52; 80-81). Nhưng bà Y chỉ yêu cầu bà Th trả tiền gốc 210.000.000 đồng, tính lãi theo quy định pháp luật đối với từng biên nhận vay tiền tại bút lục 47-52. Còn đối với số tiền 110.000.000 đồng theo biên nhận tại bút lục 80-81 là do biên nhận đã cũ, bà Y, NLQ3 không yêu cầu. Phía bà Th thừa nhận chữ ký trong các biên nhận do bà Y cung cấp cho Tòa án là chữ ký của bà Th, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà Th chỉ thừa nhận vay tiền của bà Th số tiền gốc 60.000.000 đồng, đối với biên nhận tại bút lục 80, còn biên nhận 50.000.000 đồng tại bút lục 81 là tiền lãi và bà đồng ý trả số tiền 110.000.000 đồng đối với hai biên nhận này, còn 06 biên nhận đối với số tiền 210.000.000 đồng thì bà Th không đồng ý trả cho bà Y, vì bà Th cho rằng bà bị NLQ3 đe dọa, ép buộc nhưng đây chỉ là lời khai từ một phía của bà Th, không được phía bà Y, NLQ3 thừa nhận, cũng như bà Th không đưa ra được chứng cứ, chứng minh việc bà Th ký tên trong các biên nhận này là do bị ép buộc.... Ngày 23/10/2017 bà Th có đơn kháng cáo thừa nhận thực tế bà có vay nợ của NLQ3 theo giấy biên nhận lần thứ nhất 50.000.000 đồng, lần thứ hai 60.000.000 đồng, tổng số nợ là 110.000.000 đồng.

Như vậy, theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bà Th kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình là đúng đắn, lời khai của bà mâu thuẫn trước sau, trong khi 06 biên nhận của bà Y với tổng số tiền 210.000.000 đồng được bà Th thừa nhận các chữ ký trong 06 biên nhận này là của bà nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét kháng cáo của bà Th.

[2] Xét về phần lãi, các bên đương sự thống nhất hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng bà Y cho rằng bà cho Th vay lãi suất là 5%/tháng và bà Th đã trả lãi được 1.500.000 đồng, phía bà Th cho rằng bà vay của bà Y lãi suất 15%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm đã điều chỉnh lãi suất 1,125%/tháng là không đúng với quy định pháp luật. Vì hai bên có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử thống nhất điều chỉnh về mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm, tương đương 0.75%/tháng. Cụ thể như sau:

- Từ ngày 16/8/2015 âm lịch nhằm ngày 28/9/2015 dương lịch đến ngày 11/10/2017 là 24 tháng 12 ngày x 20.000.000 đồng x 0.75%/tháng = 3.660.000 đồng.

- Từ ngày 08/9/2015 âm lịch nhằm ngày 20/10/2015 dương lịch đến ngày 11/10/2017 là 23 tháng 21 ngày x 50.000.000 đồng x 0.75%/tháng = 8.887.500 đồng.

- Từ ngày 07/10/2015 âm lịch nhằm ngày 18/11/2015 dương lịch đến ngày 11/10/2017 là 22 tháng 23 ngày x 60.000.000 đồng x 0.75%/tháng = 10.245.000 đồng.

- Từ ngày 19/10/2015 âm lịch nhằm ngày 30/11/2015 dương lịch đến ngày 11/10/2017 là 22 tháng 11 ngày x 50.000.000 đồng x 0.75%/tháng = 8.387.500 đồng.

- Từ ngày 01/11/2015 âm lịch nhằm ngày 11/12/2015 dương lịch đến ngày 11/10/2017 là 22 tháng x 20.000.000 đồng x 0.75%/tháng = 3.300.000 đồng.

- Từ ngày 06/11/2015 âm lịch nhằm ngày 16/12/2015 dương lịch đến ngày 11/10/2017 là 21 tháng 25 ngày x 10.000.000 đồng x 0.75%/tháng = 1.637.500 đồng.

Tổng cộng tiền lãi 36.117.500 đồng, khấu trừ 1.500.000 đồng tiền lãi bà Th đã trả cho bà Y, còn lại 34.617.500 đồng tiền lãi. Như vậy, bà Trần Mỹ Th và ông Mai Phúc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền vay gốc là 210.000.000 đồng và tiền lãi 34.617.500 đồng, tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 244.617.500 đồng.

Từ những cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Trần Mỹ Th và sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà Trần Mỹ Th phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 122, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Mỹ Th.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn bà Trần Mỹ Th, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Phúc H.

4. Buộc bà Trần Mỹ Th, ông Mai Phúc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền vay gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi 34.617.500 đồng, tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 244.617.500đ (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chậm thực hiện thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2, Điều 468 BLDS năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Mỹ Th và ông Mai Phúc H phải nộp án phí giá ngạch là 12.230.875 đồng (Mười hai triệu hai trăm ba mươi ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Y đã nộp số tiền 5.550.000 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003304 ngày 15/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Buộc bà Trần Mỹ Th phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009592 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố G;
- THA dân sự thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn